

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 /08 /2024

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Trần Ngọc Thiện.

[2]. Bà Trần Thị Chín.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 14 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 121/ TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2024, về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:121/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 05 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Th Th; sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ : Thôn T, xã EA , huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Hoàng V V; sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 4, xã B M, huyện B , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/06/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị La Th Th trình bày:

Tôi và anh Hoàng V V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 và có Đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện B , tỉnh Bình Phước, số 17/2019, ngày 05/03/2019. Quá trình sống chung thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, bất đồng về thái độ, hành vi xử sự trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng và sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Hoàng Gia Đ L, sinh ngày 22/01/2019; chị Thu đồng ý để anh Việt nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Hoàng V V xin Tòa án giải quyết vắng mặt, qua lời khai trình bày nội dung, vợ chồng có đăng ký kết hôn là đúng, quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống ly thân, nay anh đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đồng ý theo như yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị La Th Th có đăng ký kết hôn với anh Hoàng V V, nay chị Thu xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo Khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng, chị La Th Th và anh Hoàng V V tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị La Th Th và anh Hoàng V V là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị La Th Th và anh Hoàng V V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, anh Hoàng V V thừa nhận là đúng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, các bên không còn quan tâm đến nhau nữa.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị La Th Th được ly hôn với anh Hoàng V V.

[4]. Về con chung, vợ chồng có người con chung là Hoàng Gia Đ L, sinh ngày 22/01/2019, anh Hoàng V V đồng ý nuôi con, vì vậy cần giao cháu cho anh Hoàng V V chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị La Th Th nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị La Th Th được ly hôn với anh Hoàng V V.

[2]. Về con chung, giao cháu Hoàng Gia Đ L, sinh ngày 22/01/2019 cho anh Hoàng V V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị La Th Th nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009277 ngày 07/7/2024 (đã nộp xong).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên